

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 14 - 9 - 2023.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Quốc Khánh.

Bà Nguyễn Thị Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993.

Nơi đăng ký HKTT: Đội 11 H, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định.

Hiện trú tại: Xóm 3, thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1994. Trú tại: Đội 11 H, xã L, huyện T, tỉnh Nam Định..

Tại phiên tòa: Chị P có đơn xin vắng mặt, anh K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Văn K ngày 11 tháng 01 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liêm Hải, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 phát sinh mâu

thuần do bất đồng về quan điểm, cá tính. Chị và anh K đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Huyền M, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2014 và Đỗ Thị Thu T, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016. Hiện nay hai con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị P có đơn đề nghị trình bày quan điểm: Về tình cảm: Chị đề nghị được ly hôn anh K. Về con chung: Trước đây chị có quan điểm đề nghị nuôi dưỡng 02 con chung nhưng nay chị nhận thấy không đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả 2 con nên chị đồng ý để anh K nuôi dưỡng một trong hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 9 năm 2023, anh Đỗ Văn K trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc chị Nguyễn Thị P có đơn xin ly hôn anh. Anh có quan điểm như sau:

Về tình cảm: Anh xác định thời gian kết hôn đúng như chị P đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh nhận thấy tình cảm của mình không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh K đề nghị được nuôi dưỡng 02 con chung Đỗ Thị Huyền M sinh ngày 26 tháng 7 năm 2014, Đỗ Thị Thu T sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016 và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Còn nếu chị P cương quyết nhận nuôi dưỡng hai con chung thì anh cũng đồng ý. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị P có đơn xin vắng mặt. Anh K vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày: Về tình cảm: Anh đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đề nghị được nuôi dưỡng con Đỗ Thị Thu T và đồng ý để chị P nuôi dưỡng con Đỗ Thị Huyền M, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70; 71 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị P anh K đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56 và

Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Đỗ Văn K đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Cháu Đỗ Thị Huyền M có nguyện vọng ở với chị P, cháu Đỗ Thị Thu T có nguyện vọng ở với anh K. Đề nghị HĐXX giao chị Nguyễn Thị P nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Huyền M, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2014. Giao anh Đỗ Văn K nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Thu T, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị P phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị P có đơn xin vắng mặt, anh K có mặt tại phiên toà, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị P và anh Đỗ Văn K kết hôn ngày 11 tháng 01 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do mất niềm tin đối với nhau, chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh K đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Chị P có đơn xin ly hôn, anh K đồng ý ly hôn. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Thị Huyền M, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2014 và Đỗ Thị Thu T, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016. Hiện nay con chung đang ở với chị P. Khi ly hôn chị P đồng ý để anh K được nuôi dưỡng một trong hai con chung. Anh K đề nghị được nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Thu T và đồng ý để chị P nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Huyền M. Anh K không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị P anh K là phù hợp với quy định của pháp luật. Cháu Đỗ Thị Huyền M có nguyện vọng ở với chị P, cháu Đỗ Thị Thu T có nguyện vọng ở với anh K. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định học tập đối với 02 con chung, HĐXX thấy cần giao cháu Đỗ

Thị Huyền M, sinh ngày 26 tháng 7 năm 2014 cho chị P nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Thị Thu T, sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016 cho anh K nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị P phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Đỗ Văn K.

2. Về con chung:

Giao cho anh Đỗ Văn K có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Thu T sinh ngày 07 tháng 9 năm 2016. Hiện nay cháu Đỗ Thị Thu T đang ở với chị P, anh K có quyền yêu cầu chị P giao con Đỗ Thị Thu T cho anh nuôi dưỡng.

Giao cho chị Nguyễn Thị P có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Đỗ Huyền M sinh ngày 26 tháng 7 năm 2014.

Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002330 ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị P phải nộp. Chị P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Anh Đỗ Văn K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14- 9 - 2023). Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã L;
- UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng